

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/DS-ST
Ngày: 21 - 9 - 2020
V/v: Tranh chấp về
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Tuyền.

2/ Bà Nguyễn Thị Như Kiều.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2020, vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-DS, ngày 18/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2020/QĐST-DS, ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Phường H, quận M, Thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Ngọc T; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C; địa chỉ: Ấp 4, thị trấn N, huyện T, tỉnh,

(Theo văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C và giấy ủy quyền ngày 26/5/2020 (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1948; địa chỉ: ấp 03, xã T, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp 03, xã T, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng C - Phòng Giao dịch V (do bà Trần Ngọc T đại diện) trình bày: Vào ngày 13/01/2006, Ngân hàng C (Ngân hàng) với bị đơn là ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (thừa kế vay) là anh Nguyễn Quốc V có thỏa thuận, ký kết một hợp đồng tín dụng số 0056/HĐTD, theo thỏa thuận Ngân hàng cho ông L và anh V vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hình thức vay tín chấp, mục đích vay là đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng, phương thức trả lãi là 03 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng quý hoặc trả tiền vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn bằng 0,845%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2009. Từ khi vay cho đến nay, phía ông L và anh V chưa trả nợ gốc, cũng chưa trả lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L và anh V phải trả nợ gốc là 20.000.000 đồng, và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 21/12/2019 vốn lãi tổng cộng là 45.466.996đ, và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất tính đến ngày 21/9/2020 là 26.994.941đ, tổng cộng vốn lãi là: 46.994.941đ.

Tại văn bản ngày 12/8/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông L thừa nhận, ông và con ông là anh Nguyễn Quốc V có vay nợ của Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện V 20.000.000đ, mục đích vay là cho anh V đi xuất khẩu lao động, do ông trực tiếp vay và ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng, sau đó Ngân hàng chuyển tiền cho bên xuất khẩu lao động, ông không có trực tiếp nhận tiền mặt. Sau đó phía bên Công ty xuất khẩu lao động ở Malaysia phá sản nên chuyển anh V sang xuất khẩu lao động bên Đài Loan, trong thời gian anh V đang học tiếng Đài Loan thì con gái ông L (chị gái anh V) chết, nên anh V phải về đám tang, trong khi chưa chôn cất thì phía Công ty xuất khẩu lao động cho hay là phải lên Công ty gấp làm thủ tục đi Đài Loan, do đó anh V không đi được. Từ khi vay đến nay, ông L và anh V không có trả nợ gốc và lãi. Ông L

cho rằng, phía bên xuất khẩu lao động vi phạm hợp đồng trước, ông đã tuổi cao sức yếu nên không có khả năng trả nợ. Do đó, ông L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, theo biên bản xác minh: Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quốc V thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên các văn bản về thủ tục tố tụng được giao cho người thân thích cùng địa chỉ nhận thay và cam đoan giao lại cho anh V theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn vốn lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm; án phí bị đơn phải chịu theo quy định.

Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Đơn khởi kiện và bản tự khai, giấy ủy quyền, danh sách hộ vay; Bản sao gồm: Sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời, giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng; hợp đồng đi làm việc tại Malaysia, giấy xác nhận tuyển dụng lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài, bản cam kết trả nợ vốn vay từ thu nhập hàng tháng, quý, năm; Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án; thông báo thụ lý vụ án; quyết định phân công Thẩm phán; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản xác minh, biên bản sự việc, biên bản niêm yết, biên bản giao nhận văn bản tố tụng; biên bản vắng mặt; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử; biên bản phiên tòa, biên bản thảo luận, quyết định hoãn phiên tòa.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được, không thỏa thuận được: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vào năm 2006, giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thỏa thuận, ký kết một hợp đồng tín dụng, trong quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp, nên nguyên đơn

khởi kiện, do bị đơn cư trú tại ấp 03, xã T, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý theo quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; tại văn bản ngày 12/8/2020, ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tạm dừng phiên tòa để nguyên đơn cung cấp biên bản đơn đốc bị đơn trả nợ và chứng từ chuyển tiền cho Doanh nghiệp xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, các tài liệu này không liên quan đến hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được xác lập vào ngày 13/01/2006, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004) để giải quyết tranh chấp.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Ngân hàng C - Phòng Giao dịch V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc V phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng và bản cam kết trả nợ vốn vay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao Hợp đồng tín dụng số 0056/HĐTD ngày 13/01/2006 thể hiện nội dung: Ông Nguyễn Văn L và người thừa kế là anh Nguyễn Quốc V có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 20.000.000đ, với mục đích sử dụng chi phí đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, lãi suất cho vay 0,65%/tháng, phương thức trả tiền vay theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng hoặc trả lãi tiền vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn bằng 0,845%/tháng. Thời hạn cho vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2009, bên dưới hợp đồng dưới chữ “Đại diện bên B” tức bên vay, có chữ ký của ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Quốc V. Như vậy, giao dịch giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận nên hợp đồng có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên.

[3.2] Đồng thời, ngày 21/5/2006, anh V và chủ hộ là ông L có ký bản cam kết trả nợ vốn vay từ thu nhập hàng tháng, quý, năm, cam kết mỗi tháng trả 2.100.000đ cho Ngân hàng. Đến hạn trả nợ theo hợp đồng là ngày 13/01/2009 nhưng ông L và anh V chưa thanh toán nợ vay vốn lãi, phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ vay nhưng không có kết quả nên khoản nợ trên đã chuyển quá hạn. Do đó, ông L và anh V là bên vi phạm nghĩa vụ được thỏa thuận trong hợp đồng, nên ông L và anh V là bên thực hiện không đúng nghĩa vụ.

[3.3] Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn L thừa nhận, ông L và con ông là anh V có ký hợp đồng vay nợ tại Ngân hàng. Đây là sự thừa nhận của bị đơn nên nguyên đơn không phải chứng minh; mặt khác, sự thừa nhận của ông L phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Phụ lục của hợp đồng tín dụng bên dưới chữ “Người vay nhận tiền” là chữ ký của ông L; sổ lưu từ rồi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ bên dưới chữ “Người vay” do ông L ký tên với số tiền là 20.000.000đ; việc ông L cho rằng không có nhận tiền, nhưng ông L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

[3.4] Ông L cho rằng bên Công ty xuất khẩu lao động vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, theo Hợp đồng đi làm việc tại Malaysia được ký kết ngày 21/12/2005 giữa Công ty MILACO với anh Nguyễn Quốc V, không có sự tham gia ký kết hợp đồng của ông L, nên ông L cho rằng Công ty xuất khẩu lao động vi phạm hợp đồng là không có căn cứ, nếu Công ty vi phạm hợp đồng với anh V thì anh V mới là người có quyền khởi kiện Công ty bằng một vụ án khác, không liên quan đến hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng với ông L và anh V. Ông L cho rằng, hiện tại ông đã tuổi cao sức yếu nên không có khả năng trả nợ, đây chỉ là ý kiến nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng, nếu ông L không trả nợ thì cơ quan có thẩm quyền sẽ xử lý tài sản để thu hồi nợ.

[3.5] Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc V, quá trình thu thập chứng cứ đến phiên tòa hôm nay là một thời gian dài, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, anh V không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho sự phản

đổi đó là có căn cứ và hợp pháp, nên anh V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về lãi suất, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Quốc V trả lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo Hợp đồng tín dụng số 0056/HĐTD ngày 13/01/2006 thì khoản nợ của ông L và anh V đã quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày 13/01/2009. Tuy nhiên, theo phụ lục hợp đồng tín dụng thì bên vay được gia hạn trả nợ đến ngày 29/12/2011, lãi suất trong hạn là 0,65%/tháng, nên nợ vốn là $20.000.000đ \times 0,65\%/tháng = 9.303.666đ$ tiền lãi; lãi quá hạn là 0,845%/tháng, tính từ ngày 30/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/9/2020), nên nợ vốn là: $20.000.000đ \times 0,845\%/tháng = 17.691.275đ$, tổng cộng lãi trong hạn và quá hạn là: $9.303.666đ + 17.691.275đ = 26.994.941đ$. Theo Điều 7 của Hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận: *Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B (Bên vay) hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi*. Do đó, ông L và anh V phải có nghĩa vụ trả nợ vốn lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là: 46.994.941đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, mặc dù ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi, nhưng không có hồ sơ miễn giảm án phí, lệ phí nên ông L và anh Nguyễn Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền là: $46.994.941đ \times 5\% = 2.349.747đ$, ông L và anh V mỗi người phải nộp $\frac{1}{2}$ số tiền này. Về phía nguyên đơn thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí và án phí nên không xử lý. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 150, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Áp dụng: Các Điều 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 và 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004); các Điều 110, 140, 142, 143, 144, 283, 290, 298, 302, 305, 473, 474, 475 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. *Về yêu cầu khởi kiện:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện V, tỉnh H (do bà Trần Ngọc T đại diện).

2. Buộc ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện V, tỉnh H (do bà Trần Ngọc T đại diện) khoản nợ gốc, lãi với số tiền tổng cộng: 46.994.941 đồng (Bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn chín trăm bốn mươi một đồng; trong đó, nợ vốn là 20.000.000đ, lãi trong hạn và quá hạn là 26.994.941đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0056/HĐTD ngày 13/01/20016, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Quốc V mỗi người phải nộp số tiền là: 1.174.873đ (Một triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng